

Số: 10/QĐ-UBND

Quang Khai, ngày 08 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách và
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUANG KHAI

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22/11/2022;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 14791/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của
UBND huyện Tứ Kỳ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán thu, chi ngân sách xã, thị trấn năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của Hội đồng nhân
dân xã Quang Khai về việc phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự
toán chi thường xuyên ngân sách xã năm 2022;*

Xét đề nghị công chức Tài chính – Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán chi thường
xuyên ngân sách xã năm 2022 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Công chức Tài chính – Kế toán xã có trách nhiệm lập kế hoạch, tổ
chức thực hiện theo quy định về quản lý tài chính hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công chức Văn phòng -
Thông kê, Công chức Tài chính - Kế toán và các ban ngành, đoàn thể có liên quan
có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND huyện Tứ Kỳ;
- Phòng TC-KH huyện Tứ Kỳ;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VP



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thuận

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Theo QĐ số 100/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2022 của UBND xã Quang Khải

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu
	TỔNG THU	14.399.060.000
I	Các khoản thu tại xã	142.000.000
1	Thu HLCS từ quỹ đất công ích	70.000.000
2	Phí, lệ phí	22.000.000
3	Thu khác tại xã	50.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	5.115.000.000
1	Thuế sử dụng đất PNN	2.000.000
2	Thuế môn bài từ các hộ kinh doanh	4.000.000
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	25.000.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	28.000.000
5	Thuế giá trị gia tăng	56.000.000
6	Thu từ đấu giá đất	5.000.000.000
III	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp trên	9.142.060.000
1	Bổ sung cân đối Ngân sách	4.142.060.000
2	Bổ sung có mục tiêu	5.000.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Theo QĐ số 109/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2022 của UBND xã Quang Khải

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán chi
	TỔNG CHI	14.400.060.000
I	Chi đầu tư phát triển	10.000.000.000
1	Chi xây dựng cơ bản	10.000.000.000
II	Chi thường xuyên	4.400.060.000
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	345.769.800
1.1	Chi dân quân tự vệ	256.885.800
1.2	Chi an ninh trật tự	88.884.000
2	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	6.000.000
3	Sự nghiệp truyền thanh	58.024.400
4	Sự nghiệp thể thao	8.000.000
5	Sự nghiệp kinh tế	27.500.000
5.1	Sự nghiệp giao thông, thủy lợi	10.000.000
5.2	Sự nghiệp nông - lâm - thủy - hải sản	17.500.000
6	Chi sự nghiệp xã hội	499.364.000
6.1	Trợ cấp hưu xã	464.364.000
6.3	Chi hoạt động xã hội khác	35.000.000
7	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	3.430.401.800
7.1	Quản lý Nhà nước (HĐND, UBND)	1.939.041.200
7.2	Chi hoạt động Đảng	588.305.000
7.3	Chi hoạt động UB MTTQ và các Tổ chức xã hội	333.862.400
7.4	Chi hoạt động Đoàn thanh niên	131.776.000
7.5	Chi hoạt động hội Phụ nữ	119.144.000
7.6	Chi hoạt động hội cựu Chiến binh Việt Nam	150.476.000
7.7	Chi hoạt động hội nông dân Việt Nam	167.797.200
8	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	25.000.000

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Theo QĐ số 108/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2022 của UBND xã Quang Khải

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm
	Tổng chi thường xuyên Ngân sách xã năm 2022	4.399.060.000
1	Chi hoạt động DQTV, an ninh trật tự	345.769.800
1.1	Chi hoạt động dân quân tự vệ	256.885.800
	- Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	148.705.200
	- Chi công tác huấn luyện, trực lễ tết	76.647.600
	- Chi hoạt động theo quy định	15.000.000
	- Chi tiền báo cho CHT và TĐT	1.533.000
	- Chi tuyển quân	15.000.000
1.2	Chi hoạt động an ninh trật tự	88.884.000
	- Chi phụ cấp và các khoản đóng góp	53.640.000
	- Chi đề án làng AT về ANTT	3.000.000
	- Chi hoạt động theo quy định	15.000.000
	- Chi tiền internet	2.244.000
	- Chi phòng cháy chữa cháy	15.000.000
2	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi	17.500.000
	- Chi hoạt động nông nghiệp	6.500.000
	- Hỗ trợ công tác diệt chuột	10.000.000
	- Hỗ trợ BCD diệt chuột	1.000.000
3	Sự nghiệp giao thông	10.000.000
	- Sửa chữa định kỳ đường GT xã	10.000.000
4	Sự nghiệp phát thanh	57.024.400
	- Phụ cấp, BHXH, BHYT cho trưởng, phó đài TT	47.024.400
	- Chi hoạt động thường xuyên	10.000.000
5	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	6.000.000
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	8.000.000
7	Sự nghiệp xã hội	499.364.000
	- Trợ cấp hàng tháng	464.364.000

STT	Nội dung chi	Dự toán năm
	- Chi tổ chức ngày thương binh liệt sỹ	5.000.000
	- Dự phòng mai táng phí hưu xã	30.000.000
8	Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể	3.455.401.800
8.1	Hoạt động HĐND xã	322.557.800
	- Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	203.857.800
	- Chi hoạt động ngành	118.700.000
	+ Chi tổ chức các kỳ họp, tiền trang phục, cấp cấp ủy	113.700.000
	+ Chi khác	5.000.000
8.2	Hoạt động UBND xã	1.641.483.400
	- Chi lương, phụ cấp, công tác phí và các khoản đóng góp	1.042.222.000
	- Chi công hợp đồng các loại	48.000.000
	- Chi hỗ trợ công tác vệ sinh môi trường 3 thôn	10.000.000
	- Chi hoạt động công tác QLNN	516.261.400
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	25.000.000
8.3	Hoạt động Đảng	588.305.000
	- Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	429.096.000
	- Chi biên soạn lịch sử đảng bộ xã	15.000.000
	- Chi hoạt động Đảng	100.000.000
	- Chi hoạt động tổ dân vận	6.000.000
	- Chi đại hội chi bộ	36.505.000
	- Chi tiền internet	1.704.000
8.4	Hoạt động UB Mặt trận Tổ Quốc xã	333.862.400
	- Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	237.362.400
	- Chi hoạt động	96.500.000
	+ Chi hoạt động thường xuyên của UB MTTQ	8.000.000
	+ Chi cuộc vận động toàn dân đoàn kết	20.000.000
	+ Chi hỗ trợ hoạt động giám sát đầu tư cộng đồng	10.000.000
	+ Chi hỗ trợ hoạt động GS và phản biện xã hội UBMTTQ xã	3.000.000
	+ Chi hoạt động, cuộc vận động toàn dân đoàn kết tại 03 thôn	19.000.000
	+ Kinh phí hoạt động Ban TTND	6.000.000
	+ Chi hỗ trợ hoạt động hội Cựu giáo chức	2.000.000

STT	Nội dung chi	Dự toán năm
	+ Chi hỗ trợ hoạt động khuyến học	5.000.000
	+ Hỗ trợ KP chúc thọ của thôn (3 thôn)	3.000.000
	+ Hỗ trợ hoạt động hội CTĐ + Hiến máu	4.500.000
	+ Hỗ trợ hoạt động hội người cao tuổi	5.000.000
	+ Hỗ trợ hoạt động hội Luật Gia	1.000.000
	+ Tổ chức ĐH hội NN CĐDC	6.000.000
	+ Hỗ trợ hoạt động hội NN chất độc da cam	2.000.000
	+ Hỗ trợ hoạt động hội Cựu TNXP	2.000.000
8.5	Hoạt động Đoàn thanh niên xã	131.776.000
	- Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	81.476.000
	- Chi hoạt động các chi đoàn	12.000.000
	- Chi tổ chức ĐH đoàn TN	20.300.000
	- Chi hoạt động Đoàn	18.000.000
8.6	Hoạt động Hội phụ nữ xã	119.144.000
	- Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	91.644.000
	- Chi hoạt động các chi hội	12.000.000
	- Chi hoạt động hội PN	15.500.000
8.7	Hoạt động Hội CCB xã	150.476.000
	- Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	106.476.000
	- Chi hoạt động các chi hội	12.000.000
	- Chi tổ chức ĐH hội CCB	18.000.000
	- Chi hoạt động hội CCB	14.000.000
8.8	Hoạt động Hội nông dân xã	167.797.200
	- Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	137.797.200
	- Chi hoạt động các chi hội	12.000.000
	- Chi hoạt động hội ND	18.000.000